TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/11/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**:** Ông Nguyễn Văn Ngữ.
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Minh Thiết.
Ông Dương Thanh Bình.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 386/2019/TLST- HNGĐ ngày 23/9/2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 200/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019; Quyết Đ hoãn phiên tòa số 172/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/11/2019, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn**: Chị Đỗ Thị A, sinh năm1985; (vắng mặt)
+ **Bị đơn:** Anh Lê Văn T, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 1, xóm K, xã NH, huyện Lạng Giang, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị A trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Lê Văn T năm 2007, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi kết hôn , vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra xô sát, cãi vã. Tháng 6/2019 vợ chồng chị sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác Đ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh T.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 2 con chung là Lê Trung K sinh ngày 19/01/2008 và Lê Mạnh Đ sinh ngày 02/12/2010, hiện các cháu đang ở cùng anh T, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu, không yêu cầu anh T góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị xin vắng mặt tại phiên tòa

* Anh Lê Văn T là bị đơn trong vụ án trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh xác nhận lời khai của chị A về điều kiện, thời gian kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính chất công việc nên 2 vợ chồng không ở gần nhau, dẫn đến không hiểu và thông cảm cho nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, nay anh xác Đ tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị A xin ly hôn anh không đồng ý.

- *Về con chung:* Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Trung K sinh ngày 19/01/2008 và Lê Mạnh Đ sinh ngày 02/12/2010, các cháu đang ở cùng anh. Do anh không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về con chung.

- *Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng nhưng anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa ngày 22/11/2019 và phiên tòa ngày 29/11/2019 không có lý do.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*:

- Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị A, anh T.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị A và anh Lê Văn T kết hôn với nhau năm 2007 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, cuộc sống chung thường xuyên xảy ra cãi vã, không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, không quan tâm gì đến nhau.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh T không còn, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc, liên lạc gì. Mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc, các thành viên trong gia đình quan tâm giúp đỡ nhau không đạt được. Do đó, nguyện vọng xin ly hôn của chị A là chính đáng, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3]. *Về nuôi con chung:* Các đương sự đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Lê Trung K sinh ngày 19/01/2008 và Lê Mạnh Đ sinh ngày 02/12/2010. Nay ly hôn chị A đề nghị được trực tiếp nuôi cả 2 con chung và không yêu cầu anh T góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu K và cháu Đ đều có nguyện vọng ở cùng chị A nên HĐXX giao cả 2 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu anh T góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3]. *Về án phí:* Chị Đỗ Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị A ly hôn anh Lê Văn T.

[2]. *Về nuôi con chung:* Giao cho chị Đỗ Thị A trực tiếp nuôi cả 2 con chung là Lê Trung K sinh ngày 19/01/2008 và Lê Mạnh Đ sinh ngày 02/12/2010. Tiền cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét cho đến khi đương sự có yêu cầu.

Anh Lê Văn T được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn. Chị Đỗ Thị A cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom,chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về án phí: Chị Đỗ Thị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0007432 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Chị Đỗ Thị A đã nộp đủ tiền án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Báo cho các đ□ơng sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Lạng Giang*;
- *THADS huyện Lạng Giang;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã NH;*
- *Lưu*.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nguyễn Văn Ngữ